

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 261 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-6-2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến;

2. Ông Hồ Xuân Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1132/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1207/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Việt T, sinh năm: 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đội 16, khu vực P, phường N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn N, sinh năm: 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

(Chị Võ Thị Việt T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2022 và các văn bản tố tụng khác, nguyên đơn chị Võ Thị Việt T trình bày:

Trước khi cưới, chị và anh Nguyễn Tấn N có thời gian tìm hiểu khoảng ba tháng, anh chị tự nguyện đi đến hôn nhân, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND phường B cấp ngày 14/8/2019. Sau khi cưới vợ chồng sống phía gia đình

chồng. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, trong thời gian anh N mở quán bán bún, chị phụ giúp công việc và còn làm kế toán của một Công ty xăng dầu nên chị rất mệt mỏi nhưng anh không quan tâm đến vợ mà anh ham chơi, thường tụ tập bạn bè để chơi game tại quán, vợ chồng thường kinh cãi nhau. Sau một thời gian kinh doanh quán bún không có hiệu quả, anh N vào Thành phố Hồ Chí Minh sống và học nghề đầu bếp. Thời điểm trên chị nghe dư luận là anh N có ở cùng phòng trọ với em gái của người bạn anh, chị buồn bực nên vào ngày 24/11/2019, chị tự bỏ về phía nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Sau khi chị bỏ đi thì chị không liên lạc được với anh N. Gia đình có hòa giải nhưng không ai quan tâm đến ai. Hiện chị không còn tình cảm với anh N. Nay chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tấn N.

Về con chung: Chị và anh N không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn N vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của những người tiến hành tố tụng và việc tuân thủ pháp luật của các đương sự, đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị Võ Thị Việt T ly hôn với anh Nguyễn Tấn N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung chị T không yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí: Buộc đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Võ Thị Việt T yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Tấn N, anh N có nơi cư trú tại thị xã A, tỉnh Bình Định. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Nguyên đơn chị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do,

không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh N.

[3] Bị đơn anh N đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và tài liệu, chứng cứ thu thập được để giải quyết vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trước khi cưới, anh chị có thời gian tìm hiểu chỉ vài tháng, sau khi kết hôn thời gian ngắn đã xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng anh chị đã không còn sống chung từ cuối năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh N biết chị T yêu cầu ly hôn nhưng anh vẫn không tham gia tố tụng tại Tòa án, không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua trên, thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị ly hôn với anh Nguyễn Tấn N.

[5] Vợ chồng không có con chung nên miễn xét.

[6] Về tài sản chung và nợ: Chị T và anh N không yêu cầu nên miễn xét.

[7] Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 1 Điều 96, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, 238 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng các Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị Việt T ly hôn với anh Nguyễn Tấn N.

2. Chị T và anh N không có con chung nên miễn xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Buộc chị Võ Thị Việt T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005181 ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Quyền kháng cáo: Chị Võ Thị Việt T và anh Nguyễn Tấn N. vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND phường B;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Kiều Oanh